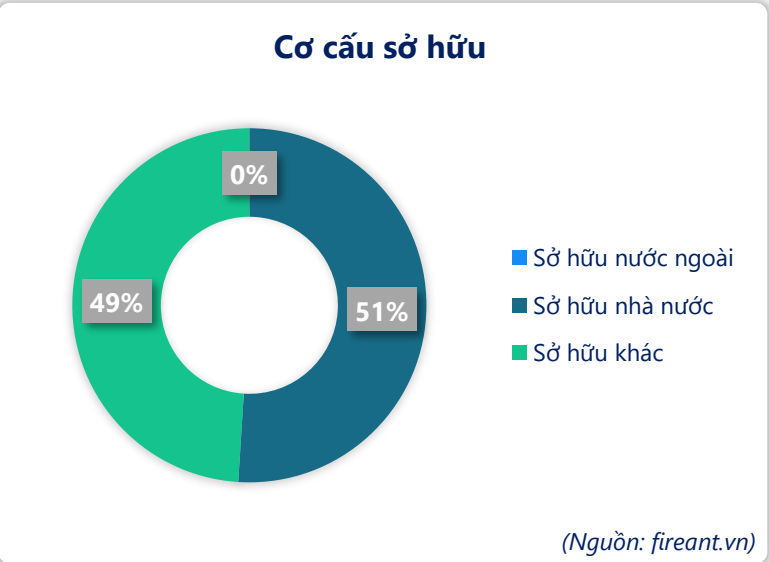
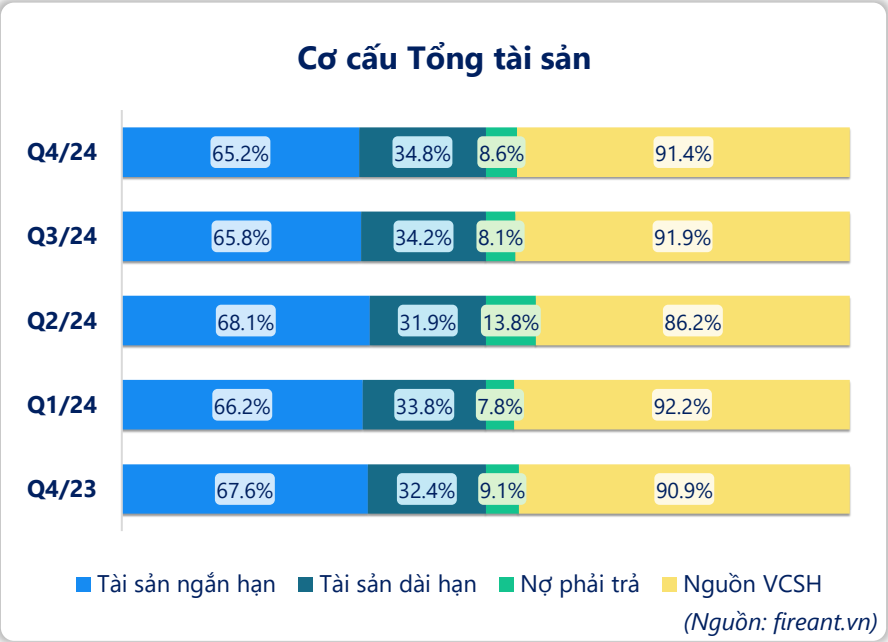
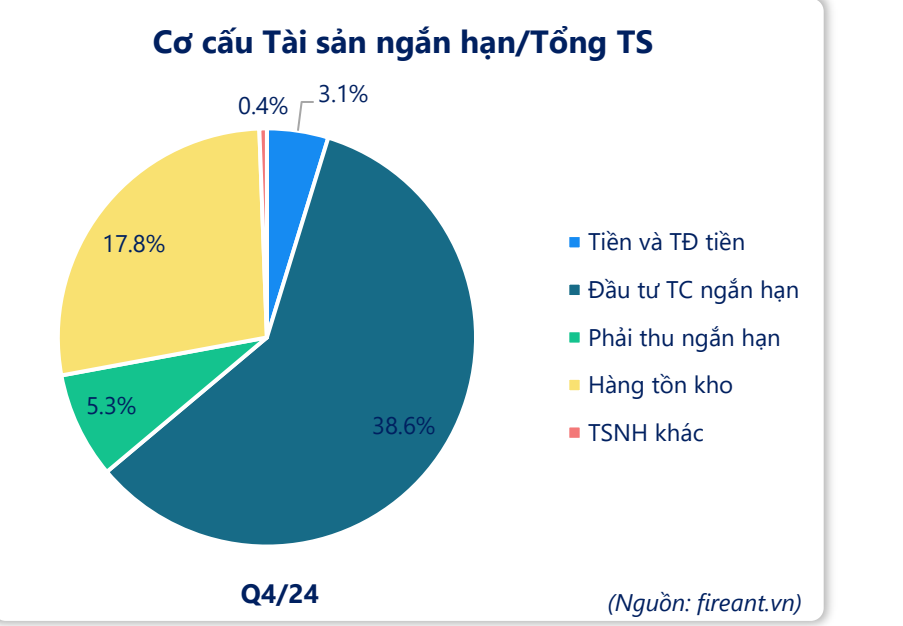
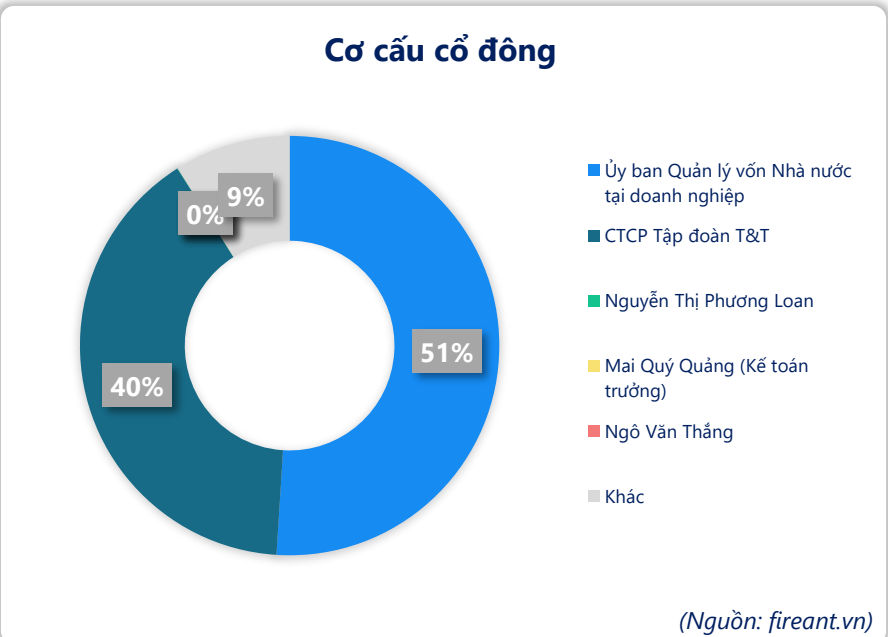
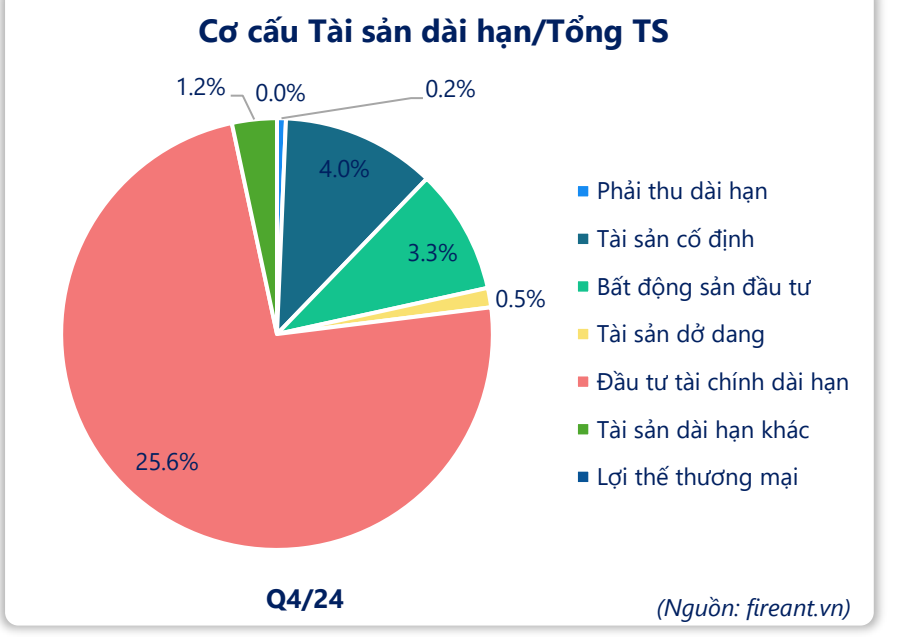
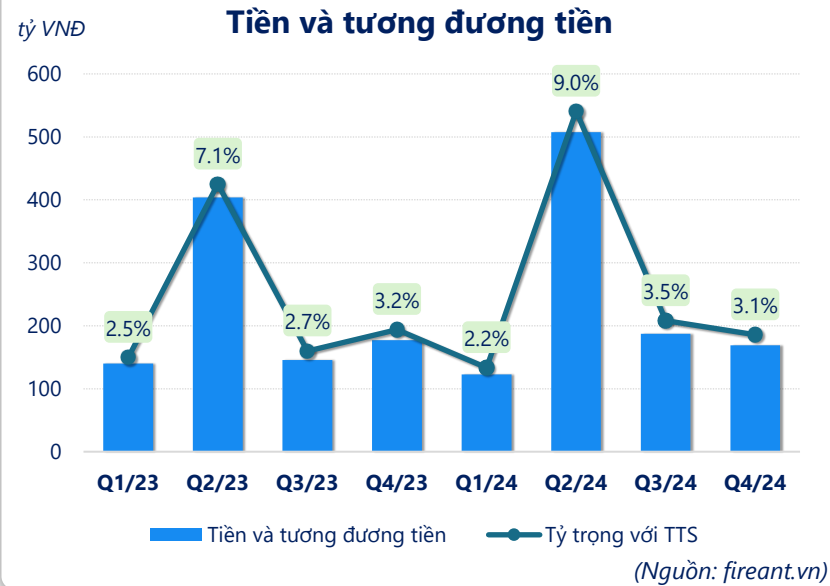
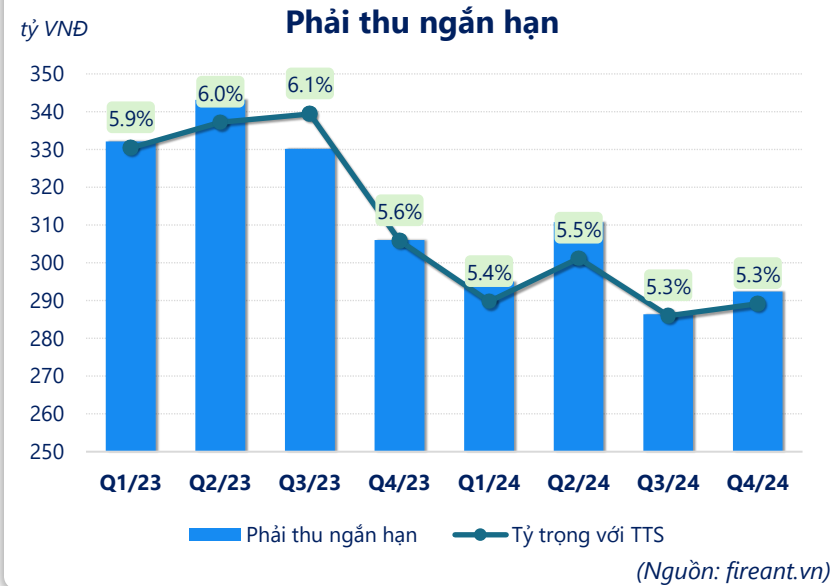
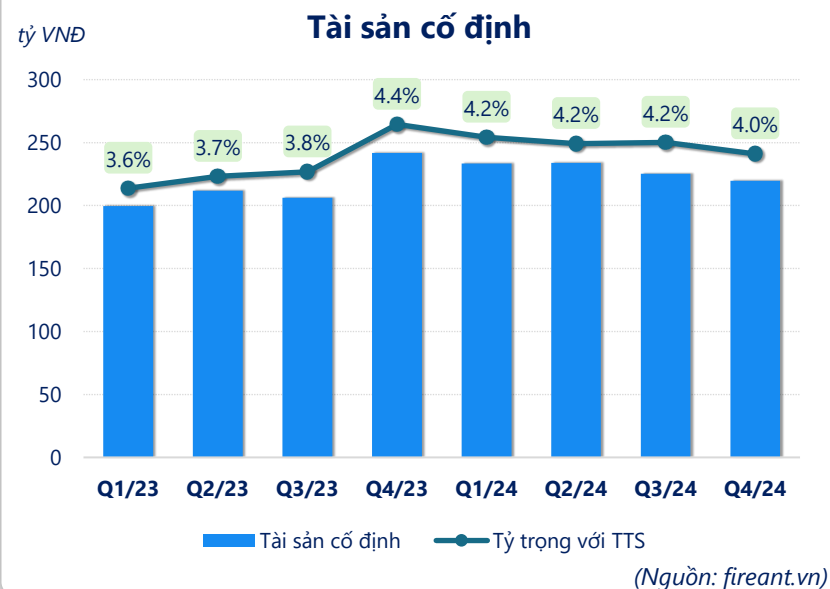
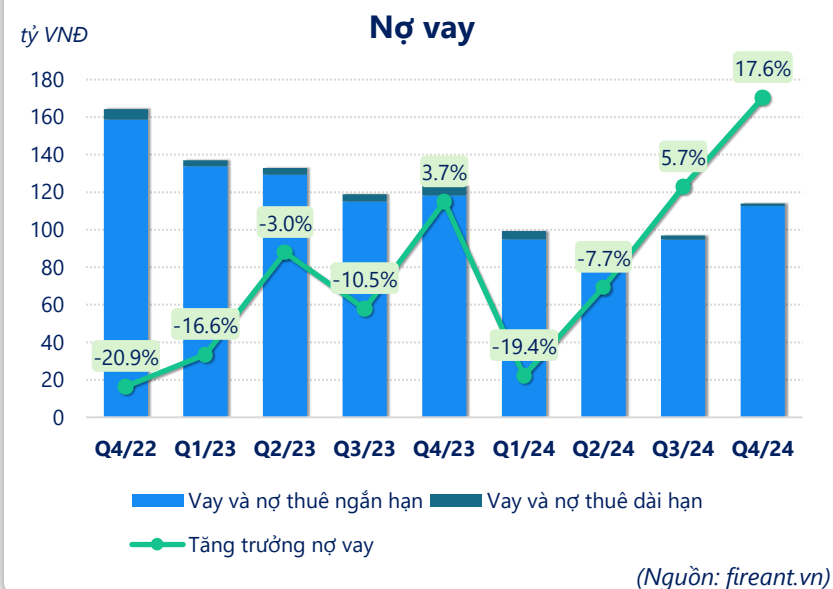
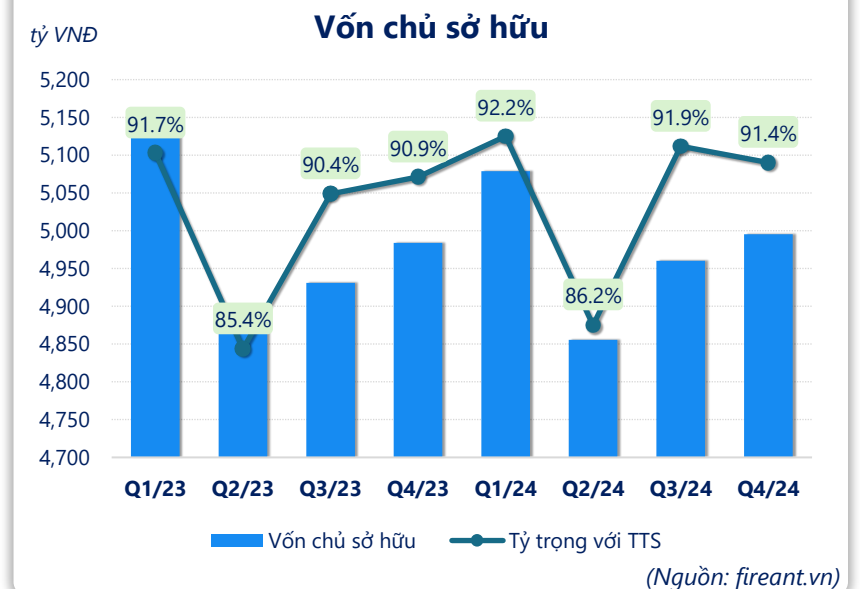
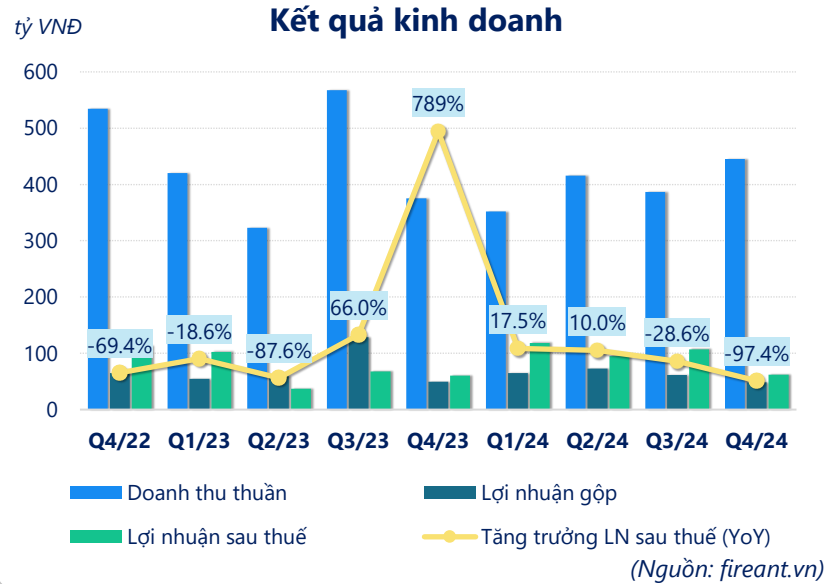
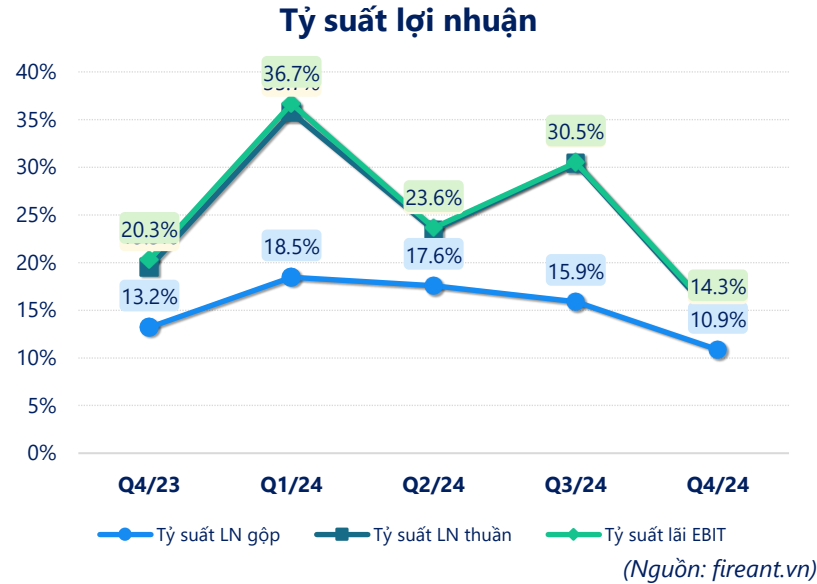
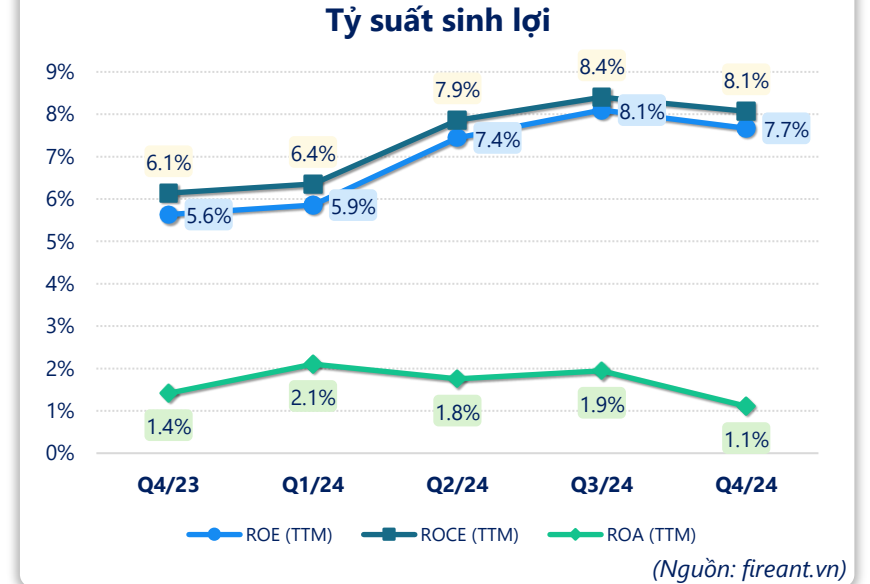
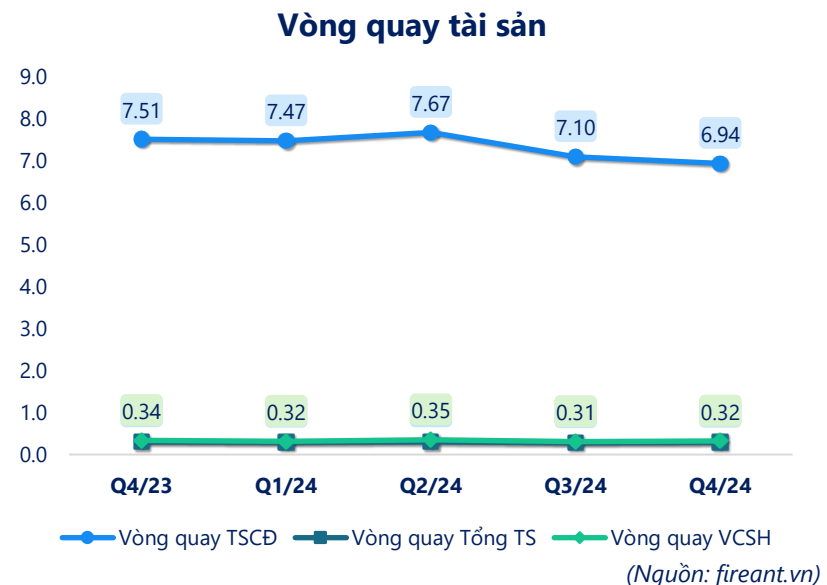
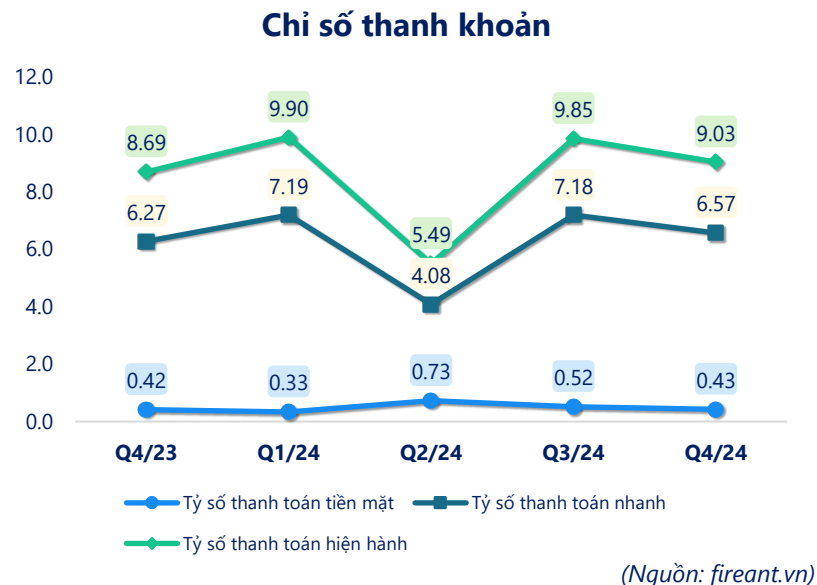
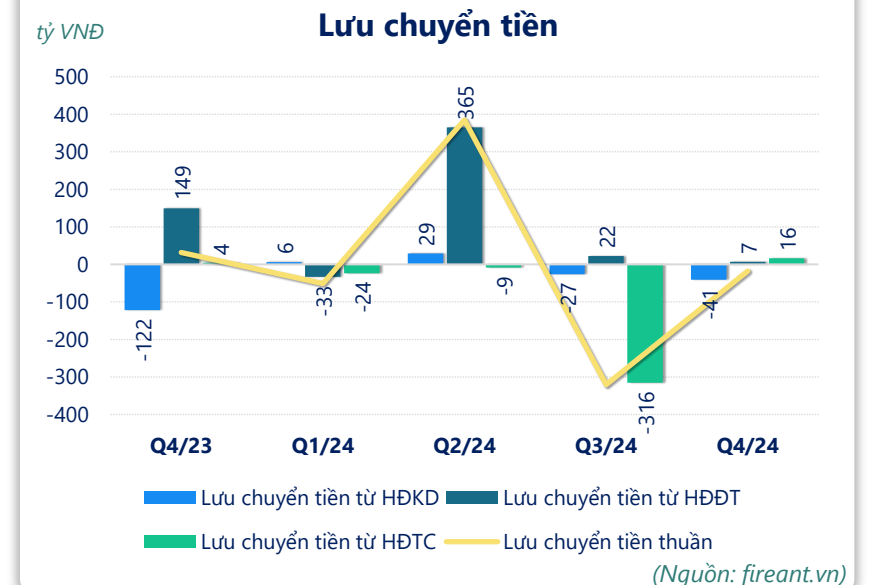


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		17,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,794
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,735
SL cổ phiếu LH		350,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,840
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6,090
P/E		15.9
EPS		1,093

	YTD	1T	3T	6T
VIF		1.2%	2.4%	-7.4%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	5,467	5,475	-0.1%
Tài sản ngắn hạn	3,564	3,658	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	169	174	-2.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,108	2,120	-0.6%
Phải thu ngắn hạn	292	302	-3.1%
Hàng tồn kho	974	1,040	-6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	20.7	21.3	-2.9%
Tài sản dài hạn	1,903	1,817	4.7%
Phải thu dài hạn	12.7	1.00	1173%
Tài sản cố định	220	241	-9.0%
Bất động sản đầu tư	178	168	5.8%
Tài sản dở dang	27.7	31.0	-10.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,401	1,316	6.5%
Tài sản dài hạn khác	63.9	60.1	6.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	470	495	-5.0%
Nợ ngắn hạn	394	427	-7.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	113	118	-4.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	70.0	89.5	-21.8%
Nợ dài hạn	75.6	67.3	12.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.41	5.01	-71.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,997	4,980	0.3%
Vốn chủ sở hữu	4,995	4,979	0.3%
Vốn điều lệ	3,500	3,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	1.68	1.67	1.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	376	352	416	386	445
Giá vốn hàng bán	326	287	343	325	397
Lợi nhuận gộp	49.6	65.0	73.1	61.4	48.3
Doanh thu HĐTC	55.3	37.8	37.2	55.1	55.3
Chi phí TC	2.30	2.01	2.00	1.94	1.73
Chi phí lãi vay	2.10	1.61	1.36	1.15	1.49
LN trong công ty LKLD	56.2	82.2	95.2	62.3	58.2
Chi phí bán hàng	9.02	9.39	9.75	10.3	15.2
Chi phí QLDN	76.5	47.8	96.5	49.2	82.7
LN thuần từ HĐKD	73.3	126	97.3	117	62.1
Lợi nhuận khác	0.82	1.71	-0.39	-0.66	-0.07
LN trước thuế	74.1	128	96.9	117	62.1
Lợi nhuận sau thuế	60.1	119	94.9	107	62.3
LNST của CĐ cty mẹ	78.6	117	99.6	105	60.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-122	5.81	28.7	-26.7	-41.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	149	-33.3	365	21.9	7.26
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.31	-24.0	-8.81	-316	16.0
Tiền đầu kỳ	145	174	122	508	187
Lưu chuyển tiền thuần	31.9	-51.5	385	-320	-18.0
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	0.00	0.03	-0.03	-0.02
Tiền cuối kỳ	177	122	508	187	169

(Nguồn: fireant.vn)